

CÁC FTA THẾ HỆ MỚI - ĐỘNG LỰC VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP

TS. Nguyễn Minh Phong
*Phó Ban Tuyên truyền lý luận
Báo nhân dân*

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã tiến hành công cuộc đổi mới và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 185 nước (so với 11 nước năm 1954) và quan hệ kinh tế với 224 nước và vùng lãnh thổ; có 16 đối tác chiến lược, 11 đối tác chiến lược toàn diện và 65 nước công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường. Việt Nam đã ký kết, tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực; trong đó có trên 90 Hiệp định thương mại song phương, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 Hiệp định chống đánh thuế hai lần và nhiều Hiệp định hợp tác về văn hoá song phương với các nước và các tổ chức quốc tế; quan hệ tích cực với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng phát triển Á Châu, Quỹ tiền tệ thế giới, Ngân hàng thế giới.

Ngoài WTO, Việt Nam đã ký 12 FTA; kết thúc đàm phán FTA với EU và đang đàm phán 4 FTA khác, trong đó có những FTA mới, với nhiều nội dung vượt trội về mức độ tự do hóa (mở cửa) sâu, phạm vi cam kết rộng, nhiều cam kết về thể chế và nhiều đối tác FTA lớn... Dự kiến, khi thực hiện tất cả các FTA này, Việt Nam sẽ nằm trong mạng lưới liên kết kinh tế sâu rộng với 56 đối tác trên thế giới, bao gồm tất cả các nước G7 và 15/20 thành viên Nhóm G20, mở ra không gian thương mại tự do rộng lớn cho Việt Nam phát triển mạnh mẽ.

Tính đến cuối năm 2017, các FTA mà Việt Nam đã ký kết gồm;

1) **Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)** trên cơ sở Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) được chính thức ký ngày 4/2/2016. Nhưng tháng 1/2017, Hoa Kỳ tuyên bố rút khỏi TPP, khiến TPP không thể đáp ứng điều kiện có hiệu lực như dự kiến ban đầu. Tháng 11/2017, 11 nước thành viên TPP ra Tuyên bố chung thống nhất đổi tên TPP và điều chỉnh một số cam kết, rà soát pháp lý để tiến tới ký chính thức CPTPP.

2) **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)** được thành lập ngày 31/12/2015 trong khuôn khổ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập từ năm 1967, với ba trụ cột chính là Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Cộng đồng An ninh ASEAN và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN..

3) **Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ** hình thành trên cơ sở ASEAN và Ấn Độ ký kết Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện ngày 8/10/2003 và ký kết các Hiệp định về Hàng hóa (có hiệu lực 1/1/2010), Hiệp

định về Dịch vụ (có hiệu lực 1/7/2015) và Hiệp định về Đầu tư (có hiệu lực 1/7/2015).

4) **Khu vực thương mại tự do ASEAN- Úc- Niu Dilan (AANZFTA)** được ASEAN, Úc và Niu Dilan ký kết thành lập ngày 27/2/2009, có hiệu lực từ ngày 1/1/2010. Đây là thỏa thuận thương mại tương đối toàn diện, bao gồm rất nhiều cam kết về hàng hóa, dịch vụ (gồm cả dịch vụ tài chính và viễn thông), đầu tư, thương mại điện tử, di chuyển thể nhân, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh và hợp tác kinh tế.

5) **Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc** hình thành trên cơ sở ASEAN và Hàn Quốc ký kết Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện năm 2005 và ký kết Hiệp định khác về Thương mại Hàng hóa (có hiệu lực từ tháng 6/2007), Hiệp định về Thương mại Dịch vụ (có hiệu lực từ tháng 5/2009), Hiệp định về Đầu tư (có hiệu lực từ tháng 6/2009).

6) **Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (AJCEP)** hình thành trên cơ sở SEAN và Nhật Bản ký kết vào tháng 4/2008 và có hiệu lực từ ngày 1/12/2008, bao gồm các cam kết về thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và hợp tác kinh tế.

7) **Khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc** hình thành trên cơ sở ASEAN và Trung Quốc ký Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện tháng 11/2002; ký kết các Hiệp định về Thương mại Hàng hóa (có hiệu lực từ tháng 7/2005), Hiệp định về Thương mại Dịch vụ (có hiệu lực từ tháng 7/2007), Hiệp định về Đầu tư (có hiệu lực từ tháng 2/2010).

8) **Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)** được ký kết ngày 25/12/2008 và có hiệu lực từ ngày 1/10/2009. Đây là FTA song phương đầu tiên của Việt Nam, trong đó cả Việt Nam và Nhật Bản dành nhiều ưu đãi cho nhau hơn so với Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP). Tuy nhiên, VJEPA không thay thế AJCEP mà cả hai FTA này đều cùng có hiệu lực và doanh nghiệp có thể tùy chọn sử dụng FTA nào có lợi hơn.

9) **Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam – Chile** được ký kết ngày 11/11/2011 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014. FTA này chỉ bao gồm các cam kết về hàng hóa và các vấn đề liên quan đến hàng hóa, không bao gồm các cam kết về dịch vụ, đầu tư... Đây cũng là FTA đầu tiên của Việt Nam với một quốc gia ở khu vực châu Mỹ.

10) **Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)** được ký kết ngày 5/5/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 20/12/2015. So với FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA), trong VKFTA Việt Nam và Hàn Quốc dành thêm nhiều ưu đãi cho nhau trong cả lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và đầu tư. Tuy nhiên, VKFTA không thay thế AKFTA mà cả hai FTA này đều cùng có hiệu lực và doanh nghiệp có thể tùy chọn sử dụng FTA nào có lợi hơn.

11) **Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á Âu** (EAEU - bao gồm các nước Liên bang Nga, Cộng hòa Belarus, Cộng hòa Kazakhstan, Cộng hòa Armenia và Cộng hòa Kyrgyzstan) được ký kết ngày 29/5/2015, và có hiệu lực từ ngày 05/10/2016. Đây cũng là FTA đầu tiên của EAEU ký với một đối tác khác, do đó các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế khi xuất khẩu sang khu vực thị trường này.

12) **Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa ASEAN và Hồng Kông** (Trung Quốc) được khởi động đàm phán từ tháng 7/2014 và hoàn tất đàm phán vào ngày 9/9/2017. Ngày 12/11/2017, ASEAN và Hong Kong đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do (AHKFTA) và Hiệp định Đầu tư (AHKIA), dự kiến có hiệu lực sớm nhất từ ngày 1/1/2019.

Ngoài ra, các FTA mà Việt Nam đang tham gia đàm phán gồm:

1) *Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)* giữa ASEAN và 6 đối tác đã có FTA với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và Niu Dilan bắt đầu đàm phán từ ngày 9/5/2013.

2) *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)* là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU. EVFTA, cùng với Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), là hai FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay. Ngày 1/12/2015 EVFTA đã chính thức kết thúc đàm phán và đến ngày 1/2/2016 văn bản hiệp định đã được công bố. Hiện tại, hai bên đang tiến hành rà soát lại văn bản hiệp định và lên kế hoạch ký kết hiệp định trong năm 2016. Dự kiến EVFTA sẽ có hiệu lực từ năm 2018.

3) *Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Khối EFTA* (bao gồm 4 nước Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein) bắt đầu khởi động đàm phán từ tháng 5/2012.

4) *Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Israel* bắt đầu khởi động đàm phán từ ngày 2/12/2015.

Theo báo cáo của Chính phủ và Tổng cục Thống kê, năm 2017, Việt Nam có nhiều khởi sắc tích cực ở một loạt chỉ số thống kê kinh tế vĩ mô, nổi bật: Đây là năm lần đầu tiên trong hàng chục năm qua, cả nước đạt và vượt tất cả 13 chỉ tiêu kế hoạch kinh tế-xã hội cả năm được Quốc hội thông qua. Động lực tăng trưởng đồng đều ở cả đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng. Các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, tiêu dùng, xuất khẩu, đầu tư, doanh nghiệp... đều có mức tăng trưởng tốt. Đây cũng là năm lần đầu tiên Việt Nam đạt mức cao nhất từ trước đến nay về kết quả một loạt chỉ số, nổi bật là: Về tổng thu hút FDI đăng ký mới, mở rộng và góp vốn, mua cổ phần; về số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay lại hoạt động; về đỉnh cao của chỉ số chứng khoán quốc gia (nhất là VN-Index); về số lượt khách du lịch quốc tế, về dự trữ ngoại tệ, cũng như về kim ngạch xuất khẩu rau quả vượt cả dầu mỏ, và gạo...

Tổng cộng trong 11 tháng năm 2017, cả nước có sự bùng nổ kỷ lục vốn FDI, với 2.293 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư, với tổng vốn đăng ký 19,8 tỷ USD, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2016; 1.100 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, với tổng vốn đăng ký tăng thêm xấp xỉ 8 tỷ USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm 2016; Ngoài ra, lượng vốn FDI góp, mua cổ phần đạt 5,29 tỷ USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm 2016. Vốn FDI giải ngân đạt trên 16 tỷ USD (tăng 11% so với cùng kỳ năm 2016) và tương đương 8% tổng GDP trị giá 203 tỷ USD của Việt Nam. Các nhà đầu tư Nhật Bản dẫn đầu, với 8,94 tỷ USD đăng ký đầu tư vào Việt Nam, Hàn Quốc đứng thứ hai, với 8,18 tỷ USD. APEC là cơ hội vàng để Việt Nam thu hút đầu tư; Riêng bên lề Tuần lễ Cấp cao APEC, diễn ra tại Đà Nẵng hồi đầu tháng 11/2017, đã có 121 thỏa thuận với trị giá hơn 20 tỷ USD được ký kết giữa các tập đoàn hàng đầu thế giới với các doanh nghiệp Việt Nam. Hiệu ứng từ APEC, nhất là từ các thỏa thuận đã ký kết (trong đó có việc 11 nước thành viên TPP cam kết sẽ thương lượng để giữ lại TPP dù đổi tên và không có Mỹ) sẽ là chất xúc tác quan trọng để năm 2018, Việt Nam tiếp tục thu hút nhiều hơn nữa vốn đầu tư nước ngoài. Đến 6/2017, Việt Nam đã thu hút hơn 23.700 dự án FDI từ 120 quốc gia, đối tác với tổng vốn đăng ký khoảng 310 tỷ USD. Hiện khu vực FDI đóng góp gần 20% GDP, 22% tổng vốn đầu tư, 2/3 kim ngạch xuất khẩu và tạo ra 1/4 việc làm cho khu vực doanh nghiệp chính thức. Theo Báo cáo năm 2017 của Phòng Thương mại Mỹ (AmCham), Việt Nam đang trở nên nổi bật với các cải thiện về môi trường kinh doanh, 36% doanh nghiệp Mỹ được khảo sát dự định sẽ mở rộng kinh doanh tại Việt Nam, cao hơn so với 21% ở Thái Lan, 19% của Malaysia. Khảo sát Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (Jetro) năm 2017 cũng khẳng định Việt Nam tiếp tục là địa điểm đầu tư quan trọng của doanh nghiệp Nhật Bản, trên 66% doanh nghiệp được khảo sát cho biết có xu hướng “mở rộng hoạt động kinh doanh” tại Việt Nam.

Đồng thời, Việt Nam được Trung tâm Nghiên cứu Pew xếp hạng đứng đầu thế giới về đánh giá tích cực sự thay đổi cuộc sống trong nửa thế kỷ qua, với 88% người Việt được khảo sát cho rằng cuộc sống hôm nay tốt đẹp hơn 50 năm trước, cao hơn con số tương ứng của Ấn Độ (69%), Hàn Quốc (68%) và Nhật Bản (65%), Philippines (43%) và mức trung bình 54% của châu Âu, đặc biệt là so với con số chưa tới 37% ở Mỹ... Việt Nam cũng được Viện Nghiên cứu Kinh tế và Hòa bình Australia xếp vị trí an toàn số một trong Bản báo cáo Chỉ số khủng bố toàn cầu (GTI) công bố cuối tháng 11-2017. Việt Nam xếp thứ 11/67 quốc gia đáng sống đối với người nước ngoài và đã có những tiến bộ vượt bậc trong các chỉ số về môi trường làm việc, khả năng ổn định và hòa nhập, theo kết quả của cuộc khảo sát trực tuyến Expat Insider 2016, được thực hiện bởi InterNations, mạng lưới cộng đồng những người sinh sống và làm việc ở nước ngoài lớn nhất thế giới, công bố trong quý 1/2017. Năm 2017, Việt Nam cũng được thăng hạng vượt trội trong nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế về môi trường và kết quả kinh doanh. Việt Nam đứng ở

vị trí 68/190 quốc gia/nền kinh tế, tức tăng 14 bậc so với năm 2016 (riêng chỉ số tiếp cận điện năng tăng tới 32 bậc so với năm 2016 và tăng 92 bậc so với năm 2013) trong xếp hạng chỉ số môi trường kinh doanh của WB năm 2017 và tăng 23 bậc so với năm 2015. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) trong Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2017 - 2018 đã đưa Việt Liên Hợp quốc cũng xếp Việt Nam lên hạng 55, tăng 5 bậc so với năm trước và 20 bậc so với cách đây 5 năm. Chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2017 của Việt Nam tăng 12 bậc so với năm trước (tăng 29 bậc so với năm 2013) và điều chỉnh Chỉ số phát triển quốc gia, vùng lãnh thổ... Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng mới được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (XHTN) Moody's (Moody's Investors Service) nâng mức đánh giá triển vọng từ “ổn định” lên “tích cực” trên cơ sở đánh giá nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang trên đà ổn định, cán cân thanh toán và vị thế đối ngoại được cải thiện, môi trường hoạt động của khu vực ngân hàng dần bình ổn.

Những thành công trên là kết quả của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam, với những nỗ lực, sự chuyển động và đổi mới toàn diện cả trong nhận thức, chỉ đạo và hành động quyết liệt, sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước trên hành trình vượt qua chính mình và được quốc tế công nhận.

Đặc biệt, những kết quả trên đây cũng là minh chứng đậm nét cho những nỗ lực của Việt Nam trong quá trình tham gia và khai thác các cơ hội, cũng như thực hiện các hoạt động hoàn thiện thể chế kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư theo yêu cầu nội dung và lộ trình các cam kết hội nhập trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới.

Tham gia các FTA này, Việt Nam có thêm nhiều cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu và nhập khẩu, thu hút và gia tăng đầu tư vốn FDI theo cả hai chiều nhờ nhận được những ưu đãi thuế và chính sách cạnh tranh bình đẳng, những hỗ trợ và ngoại lực hữu ích khác...

Tuy nhiên, tham gia các FTA thế hệ mới cũng khiến Việt Nam chịu thêm nhiều áp lực, trong đó có sự gia tăng sức ép cạnh tranh và thu hẹp thị phần ngay trên sân nhà; Sức ép bảo đảm các yêu cầu về xuất sứ nội khối và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Sức ép giảm mức thuế, dịch chuyển và xói mòn cơ sở thuế; Sức ép vượt các hàng rào kỹ thuật (TBT) và hệ thống vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPS) khắt khe, tốn kém thời gian tiền của, với nguy cơ hàng hóa bị trả về nếu không đáp ứng được từ các thị trường thành viên; trong khi bản thân nhiều cơ quan chức năng Việt Nam còn lúng túng và bị động việc sử dụng các công cụ cần thiết xây dựng và bảo vệ thị trường trong nước.

Hơn nữa, xu hướng gia tăng nhập siêu từ một số thị trường mà Việt Nam có ký kết FTA, mà Hàn Quốc là ví dụ điển hình. Năm 2017, lần đầu tiên trong lịch sử, Hàn Quốc đã vượt cả Trung Quốc để trở thành thị trường nhập

siêu lớn nhất của Việt Nam, với mức nhập siêu lên tới trong 11 tháng năm 2017).

Quá trình tham gia các FTA và xóa bỏ những thể chế kìm hãm DN, làm lệch lạc, lãng phí các nguồn lực DN, lấp đầy những “khoảng trống thể chế” cần thiết để hỗ trợ DN phát triển lành mạnh, hiệu quả đã, đang và sẽ cho phép từng bước định hình một tầm nhìn mới, một thực tiễn mới và mở ra triển vọng phát triển mới với nhiều thay đổi về chất đối với vai trò, vị thế và cách thức tổ chức mới của cộng đồng DN trong toàn bộ đời sống kinh tế-xã hội Việt Nam thời kỳ chuyển mình hội nhập cùng thế giới...

Thành công không đến với người tự ti hoặc thụ động, chuộng ảo vọng vay mượn, nhưng cũng không cho phép ta chủ quan, dừng nghỉ. Để tiếp tục và đẩy nhanh sự phát triển bền vững kinh tế, xã hội và môi trường trong thời gian tới, Việt Nam cần nhiều hơn những quyết tâm và hành động thiết thực, phù hợp để khắc phục các khó khăn và bất cập trong đổi mới mô hình phát triển, nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh quốc gia và doanh nghiệp, kiểm soát nợ công, nợ xấu, hàng giả, hàng nhái, an toàn thực phẩm, hóa chất độc hại, ô nhiễm môi trường, khắc phục hậu quả thiên tai và biến đổi khí hậu, bạo lực gia đình và tăng cường bảo đảm an sinh xã hội...

Đặc biệt, còn cần lắm sức mạnh toàn dân tộc dựa trên sự đồng thuận giữa ý Đảng và lòng dân; sự cùng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc; sự hội tụ của các sáng kiến, sáng tạo tự do và trách nhiệm cá nhân và cộng đồng người Việt cả trong nước và nước ngoài; năng lực và sự nêu gương của lãnh đạo các cấp trong một chính phủ kiến tạo và đặc biệt là sự hoàn thiện, nghiêm minh, hiệu lực thực tế của hệ thống pháp luật, nhằm bảo vệ các giá trị chuẩn quốc gia, chống lại mọi sự vô cảm, quốc nạn tham nhũng, thói đạo đức giả, sự hành xử méo mó và bấp chấp luật pháp vì lợi ích nhóm và sự ích kỷ cá nhân./.